

## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP TRONG MÔI LIÊN HỆ VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

LÊ THỊ NGÀ\*

NGUYỄN HOÀNG LINH CHI\*\*

Ngày nhận bài: 05/02/2021

Ngày phản biện: 13/02/2021

Ngày đăng bài: 30/03/2021

### Tóm tắt:

Bài viết xem xét ảnh hưởng của nguồn gốc hệ thống luật pháp đối với việc hình thành và thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (TXD). Vấn đề được tiếp cận trên nền tảng nội dung TXD được xem xét từ ba hợp phần, gồm: 1) Bảo vệ môi trường; 2) Việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người; và 3) Nhà nước pháp quyền và quản trị xã hội và môi trường.

Có quan điểm cho rằng TXD “hoạt động” như luật không chính thức, vì vậy nó không có sự liên quan đến nguồn gốc của hệ thống pháp luật. Ngược lại với nhận định này, bài viết nhận diện ảnh hưởng của tư duy pháp lý từ nguồn gốc của hệ thống pháp luật đối với hành vi thực hiện TXD của doanh nghiệp. Từ đó, đóng góp một cách tiếp cận khác cho việc xây dựng và thực thi TXD hướng tới các tiêu chuẩn bền vững trên cơ sở dựa trên nền tảng nguồn gốc tư duy pháp lý của mỗi quốc gia.

### Từ khóa:

Hệ thống pháp luật, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thông luật, Luật châu Âu lục địa.

### Abstract:

The article considers the influence of the legal system's origin on the construction of corporate social responsibility (CSR) concept. To what extent the legal system's origin created the different of CSR concepts understanding and it's framework. The article investigates current common CSR content-based includes three components: 1) Environmental protection; 2) The promotion and protection of human rights; and 3) The rule of law and social and environmental governance.

There are opinions that CSR's functions as “*informal law*”, so it is not relevant to the legal system's origin. Contra to that statement, the article aims to explore the influence of legal thinking between two legal system's origins on the CSR implementing behavior of enterprises. Hence, contribute another approach to the CSR toward the protection in human rights and the sustainable development's standards based on the legal thinking background of each country.

### Key words:

Legal Origins, legal systems, corporate social responsibility, common law, Civil Law.

\* TS., GV Khoa Luật Hành Chính, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: ngalt@hul.edu.vn

\*\* ThS., GV Khoa Luật Hành Chính, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: chinhl@hul.edu.vn

Trong những thập niên gần đây, vấn đề TXD được đặt ra và thúc đẩy thực thi trên phạm vi toàn cầu<sup>1</sup>. TXD đòi hỏi trong chuỗi hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phải cân bằng các lợi ích của doanh nghiệp, của nhà đầu tư và sự phát triển bền vững<sup>2</sup>. Với góc nhìn truyền thống, TXD thường được xem xét dưới góc độ tiêu chuẩn đạo đức xã hội chung<sup>3</sup>. Trên phương diện khoa học pháp lý, tại Việt Nam, chưa có nhiều nhà khoa học trong nước quan tâm tới góc nhìn liệu có hay không sự ảnh hưởng tư duy pháp lý từ hệ thống pháp luật tới hành vi pháp lý về TXD. Điều này cần được chú ý hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa, tại các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển, với các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa thấp<sup>4</sup>.

### **1. Nhận diện mối liên hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với các hệ thống pháp luật trên thế giới và các yếu tố chi phối**

Cho dù trong những năm qua TXD thu hút sự quan tâm rộng rãi của cộng đồng quốc tế, song cho đến nay vẫn chưa có một cách nhìn thống nhất về khái niệm TXD. Định nghĩa của Ủy ban châu Âu (EU) về TXD là: “*Sự việc các doanh nghiệp tích hợp mối quan tâm về xã hội và môi trường vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và trong sự tương tác với các bên liên quan*”<sup>5</sup> được thừa nhận rộng rãi. Cũng tại hướng dẫn này, EU đã hình thành khái niệm TXD ở phương diện chung là “*thực thi nhiều hơn những gì luật pháp yêu cầu*”<sup>6</sup>. Góc nhìn này của EU dường như gần với quan điểm về TXD không chỉ là tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư mà cần hướng tới phúc lợi chung cho tất cả các bên liên quan<sup>7</sup>. Trên phương diện quản trị, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ giữa TXD với chi phí của doanh nghiệp, lợi tức của cổ đông, danh dự của doanh nghiệp.

Trên phương diện luật học, dường như không có nhiều nghiên cứu về mối liên hệ giữa truyền thống pháp lý với hành vi của doanh nghiệp và các bên liên quan trong việc thực thi TXD. Thực tế điều này đặt ra một loạt vấn đề: 1) Có hay không mối liên hệ giữa truyền thống pháp lý với TXD; 2) Pháp luật đã đặt ra những yêu cầu hoặc những hướng dẫn cho TXD như thế nào và điều này được thể hiện có tương đồng trong các dòng họ pháp luật hay không;

---

<sup>1</sup> Michel Capron, Françoise Quairel-Lanoizelée (2009) (Lê Minh Tiến, Phạm Như Hồ dịch), “*Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*”, tr.22-26.

<sup>2</sup> Michel Capron, Françoise Quairel-Lanoizelée (2009), tr.34.

<sup>3</sup> Michel Capron, Françoise Quairel-Lanoizelée (2009), tr.17-18.

<sup>4</sup> Leonardo Becchetti, Rocco Ciciretti and Pierluigi Conzo (2020), “*Legal Origins and Corporate Social Responsibility*”, Sustainability 2020, 12, 2717; doi:10.3390/su12072717, p.2.

<sup>5</sup> “*European Commission. Directorate-General for Employment and Social Affairs*”, 2001, “*Promoting a European framework for corporate social responsibility*”, Vol. COM (2001) 366. “*Sách xanh*” (The Green Paper), [https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/DOC\\_01\\_9](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/DOC_01_9) (accessed on 15 March 2014).

<sup>6</sup> Định nghĩa này là định nghĩa được đề xuất trong Sách xanh năm 2001 của Ủy ban Liên minh châu Âu về CSR (Ủy ban châu Âu 2001).

<sup>7</sup> Leonardo Becchetti, Rocco Ciciretti and Pierluigi Conzo (2020), p.3.

3) Các doanh nghiệp dựa trên quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước để quy định khung TXD như thế nào đặc biệt là trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người hoặc các vấn đề lao động trong chính sách của doanh nghiệp. Với góc nhìn này, các nhà khoa học pháp lý quốc tế đã tiến hành một số nghiên cứu. Trong nghiên cứu của mình, La Porta et al cho rằng nguồn gốc lịch sử của các hệ thống pháp luật ảnh hưởng sâu sắc đến các quy tắc pháp lý, thực tiễn quản lý và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp<sup>8</sup>.

Trên thế giới, từ hai hệ thống pháp luật ban đầu là Hệ thống Thông luật (Common Law) và Hệ thống Dân luật (Civil Law System)<sup>9</sup>, pháp luật được phân thành các nhánh, cụ thể: Thông luật Anh, Luật dân sự Pháp, Luật dân sự Đức, Luật dân sự Scandinavia và Luật xã hội chủ nghĩa (bao gồm cả các nước xã hội chủ nghĩa hiện tại và trước đây)<sup>10</sup>. Với sự ảnh hưởng từ hệ thống pháp luật gốc, pháp luật các quốc gia ít nhiều đều bị chi phối từ văn hóa pháp lý của hệ thống pháp luật gốc mà mình chịu ảnh hưởng. Theo Hayek, trong hai hệ thống pháp luật mà thuở ban đầu văn hóa pháp lý có sự khác biệt ở quan niệm về tự do đã dẫn đến hai hướng tư duy pháp lý. Nếu Hệ thống Thông luật quan niệm tự do là “từ” và “của”, điều này ngược lại với quan điểm tự do “vì” trong Hệ thống Civil Law, nơi các mục tiêu xã hội truyền cảm hứng cho hệ thống quy định của pháp luật<sup>11</sup>. Phải chăng đây cũng chính là nguyên do dẫn đến Hệ thống Civil Law chú trọng tới luật nội dung, trong khi Thông luật chú trọng đến luật hình thức mà đặc biệt là việc giải quyết tranh chấp. Đây cũng là lý do dẫn đến có sự khác biệt trong TXD ở các quốc gia thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau.

Trong mối liên hệ giữa pháp luật với TXD có thể thấy các lĩnh vực pháp luật liên quan đến TXD rất đa dạng gồm: Luật quốc tế về nhân quyền, lao động và bảo vệ môi trường; luật pháp quốc gia (đặc biệt các quy định về không phân biệt đối xử, an ninh, sự tham gia của các bên liên quan, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, thù lao, giờ làm việc, độ tuổi tối thiểu, thỏa ước lao động tập thể; đánh giá tác động xã hội hoặc môi trường, bảo vệ môi trường)<sup>12</sup>. La Porta et al, Matten and Moon and Aguilera et al đều cho rằng khung khổ thể chế khác nhau trong lịch sử của mỗi quốc gia đã định hình “*hệ thống kinh doanh của quốc gia*”<sup>13</sup>. Một điều không thể phủ nhận là hệ thống pháp luật, TXD không thể tách rời các yếu tố sau:

---

<sup>8</sup> La Porta, R.; Lopez-De-Silanes, F.; Shleifer, A. “*The Economic Consequences of Legal Origins*”. J. Econ. Lit. 2008, 46, p.285-332.

<sup>9</sup> Leonardo Becchetti, Rocco Ciciretti and Pierluigi Conzo (2020), p.3.

<sup>10</sup> René David (1960) (biên dịch: Nguyễn Sỹ Dũng, Nguyễn Đức Lam) (2003), *Những hệ thống pháp luật chính trong thế giới đương đại*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.26.

<sup>11</sup> Hayek, F.A. “*The Constitution of Liberty (1960)*”; Chicago University Press: Chicago, IL, USA.

<sup>12</sup> Karin Buhmann (2006), “*Corporate Social Responsibility: What Role for Law? Some Aspects of Law and CSR, Corporate Governance - The International Journal of Business in Society*”, Vol. 6, No. 2, 2006, p.192.

<sup>13</sup> Leonardo Becchetti, Rocco Ciciretti and Pierluigi Conzo (2020), p.3.

- *Thể chế chính trị*: Không có nền kinh tế nào, không có hệ thống pháp luật nào mà không chịu sự chi phối của yếu tố chính trị. Trên quan điểm của của tư tưởng Mác- Lê Nin, cơ sở kinh tế chi phối chính trị vì kinh tế là cơ sở hạ tầng, còn chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng. Tuy nhiên, sự tác động qua lại là điều tất yếu, đến lượt mình cơ sở kinh tế lại chịu sự chi phối của yếu tố chính trị. Chính trị sẽ thúc đẩy hoặc kìm hãm kinh tế thông qua việc tương thích hay không tương thích. Trong mối quan hệ này, pháp luật đóng vai trò là cầu nối và do đó, mọi sự tác động của chính trị tới kinh tế đều thông qua pháp luật. Sự chi phối này trước tiên thể hiện ở những biện pháp thực thi pháp luật được hoạch định bởi các chính trị gia<sup>14</sup>. Thứ hai, nó thể hiện ở việc kiểm soát tham nhũng thông qua những biện pháp cho phép giám sát các chính trị gia theo đuổi sự vụ lợi<sup>15</sup>. Thứ ba, thể hiện sự minh định trong các quy định của pháp luật liên quan đến việc thúc đẩy trách nhiệm xã hội của khu vực tư và sự can thiệp của môi trường pháp luật trong nước<sup>16</sup>. Theo đó, điều này được thể hiện thông qua các quy định về mô hình kinh tế bao gồm các hoạt động của Chính phủ can thiệp vào các hoạt động kinh tế như chi tiêu của chính phủ, tự do tiền tệ, tự do tài chính, tự do lao động, tự do thương mại. Những yếu tố này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, phụ thuộc và quy định lẫn nhau.

- *Quyền của chủ sở hữu*: Với tư cách là chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp có đủ các quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với công ty của mình. Điều này được thể hiện trong việc đưa ra các quyết định về: Chiến lược và kế hoạch kinh doanh, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ, tăng vốn điều lệ về tổ chức lại doanh nghiệp,... Điều này cho thấy, chính doanh nghiệp là người quyết định mức độ và phạm vi thực thi TXD thông qua các quyết định được doanh nghiệp ban hành với tư cách là chủ sở hữu.

- *Mức độ và phạm vi kiểm soát của Nhà nước đối với doanh nghiệp*: Mặc dù nền kinh tế của các quốc gia hiện nay đều vận hành theo quy luật của kinh tế thị trường, nhưng ở các thể chế khác nhau, mức độ và phạm vi can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của doanh nghiệp cũng khác nhau. Sự can thiệp của Nhà nước trong lĩnh vực TXD thể hiện rõ ràng trong định hình các chương trình nghị sự về chính sách công, biểu hiện: 1) Loại hình can thiệp được chính phủ sử dụng để thúc đẩy các nỗ lực kinh doanh có trách nhiệm đối với các doanh nghiệp; 2) Vấn đề hoặc lĩnh vực hành động cụ thể cần giải quyết<sup>17</sup>.

## **2. Sự ảnh hưởng của văn hóa pháp lý từ nguồn gốc pháp luật tới việc thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

Câu hỏi đặt ra là có hay không sự liên hệ giữa văn hóa pháp lý của hệ thống pháp luật tới việc thực thi TXD của doanh nghiệp. Chúng ta sẽ phần nào có câu trả lời khi nhìn vào số liệu bảng dưới đây:

---

<sup>14</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), “On the foundations of corporate social responsibility, *Journal of Finance*”. 72, (2), p.853-910. Bản PDF tại: [https://ink.library.smu.edu.sg/lkcsb\\_research/5014](https://ink.library.smu.edu.sg/lkcsb_research/5014), p.9.

<sup>15</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.9.

<sup>16</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.9.

<sup>17</sup> Anna Peters, Daniela Röß (2010), “*The Role of Governments in Promoting Corporate Responsibility and Private Sector Engagement in Development*”, Bertelsmann Stiftung, p.16.

**Bảng 1. Nguồn gốc pháp luật và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp<sup>18</sup>**

<b>Hệ thống pháp luật</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Nguồn nhân lực</b>	<b>Môi trường</b>	<b>Hành vi thương mại</b>	<b>Quản trị doanh nghiệp</b>	<b>Yếu tố cộng đồng</b>	<b>Quyền con người</b>
Anh	35.794 (10.989)	24.554 (14.282)	29.842 (17.874)	39.150 (12.663)	55.757 (13.002)	36.996 (18.398)	37.298 (12.625)
Pháp	40.097 (12.856)	43.340 (16.052)	39.334 (17.369)	44.560 (13.396)	43.557 (13.819)	44.566 (17.556)	44.625 (15.326)
Scandianvian	36.845 (11.229)	35.269 (15.959)	34.771 (18.285)	40.741 (13.167)	44.399 (12.381)	32.718 (17.689)	42.855 (14.847)
Đức	32.120 (13.320)	30.363 (18.088)	34.356 (18.757)	38.013 (13.156)	32.581 (18.324)	33.266 (17.953)	37.501 (15.362)
Thông luật	35.800 (10.989)	24.555 (14.284)	29.849 (17.877)	39.162 (12.656)	55.763 (13.002)	36.998 (18.395)	37.303 (12.624)
Civil Law	36.239 (13.387)	37.494 (17.908)	36.923 (18.173)	41.639 (13.625)	39.495 (16.451)	38.922 (18.618)	41.327 (15.644)

Các số liệu trong bảng trên cho thấy rõ ràng có mối liên hệ mật thiết giữa nguồn gốc hệ thống pháp luật với việc thực thi TXD trong các doanh nghiệp, điều này thể hiện ở các điểm cụ thể sau:

*Thứ nhất*, vai trò của nguồn gốc pháp luật trong định hướng hành vi của doanh nghiệp thực thi TXD: Nghiên cứu đã cho thấy có sự liên hệ giữa văn hóa pháp lý với hành vi của doanh nghiệp trong hình thành và thực thi TXD. Trước đây, vấn đề này ít được đặt ra vì quan điểm truyền thống cho rằng các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường có nhiệm vụ tối đa lợi ích của các cổ đông, điều này hoàn toàn trái ngược với việc thực thi TXD vì TXD hướng tới thúc đẩy phúc lợi cho các bên liên quan. Với các nghiên cứu của Karin Buhmann, Hao Liang, Luc Renneboog, Leonardo Becchetti, Rocco Ciciretti and Pierluigi Conzo chỉ ra có sự liên quan mật thiết giữa truyền thống pháp lý và việc định hướng hành vi của doanh nghiệp trong việc thực thi TXD. Theo đó, với văn hóa pháp lý là hướng tới lợi ích chung như văn hóa của hệ thống Civil Law hay tối đa hóa lợi nhuận theo hệ thống thông luật sẽ dẫn đến kết quả khác nhau trong việc ứng xử của doanh nghiệp trong thực thi TXD.

Ở hệ thống pháp luật Common Law, một thể chế chính trị cho nền kinh tế thị trường hoàn hảo, với truyền thống chú trọng vào khu vực tư nhân theo hướng bảo vệ quyền sở hữu

<sup>18</sup> Leonardo Becchetti, Rocco Ciciretti and Pierluigi Conzo (2020), p.8.

tuyệt đối, điều này dẫn dắt các doanh nghiệp hành động hướng tới tối đa hóa lợi ích và lợi ích tốt nhất cho các cổ đông<sup>19</sup>. Hơn nữa, với truyền thống án lệ, hệ thống pháp luật này dựa trên nền tảng của thiết chế tư pháp để giải quyết vấn đề nảy sinh khi có xung đột. Ở các quốc gia này, việc áp dụng TXD được xác định chủ yếu theo quyết định của công ty<sup>20</sup>. Ở các nước thuộc Hệ thống Thông luật, sự độc lập của doanh nghiệp là rất lớn, xuất phát từ lý thuyết “lợi ích tối đa của cổ đông”, do đó Nhà nước can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp chủ yếu thông qua hình thức gián tiếp.

Trong chiều hướng ngược lại, với truyền thống chính trị can thiệp mạnh của Nhà nước vào kinh tế, các nước thuộc Hệ thống Civil Law đặt ra nhiều hạn chế hơn về giá cả và điều chỉnh thị trường sản phẩm để giải quyết lợi ích của các bên liên quan khác nhau<sup>21</sup>. Trong quá trình giải quyết xung đột, hệ thống pháp luật này trước tiên dựa trên quy tắc hành vi được xác lập bởi luật nội dung<sup>22</sup>. Với những quy định nội dung chặt chẽ của pháp luật tư, các bên liên quan dễ dàng dựa trên hệ thống luật thực định để khiếu nại doanh nghiệp để bảo vệ quyền và lợi ích của mình mà ít cần đến TXD trong các chiến lược của doanh nghiệp. Thêm nữa, với lý thuyết “phúc lợi chung” các nước thuộc Hệ thống Dân luật tăng cường sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của các doanh nghiệp. Sự can thiệp này được thực hiện bằng những quy định của pháp luật đối với các lĩnh vực lao động, việc làm, mức lương tối thiểu.

*Thứ hai*, vai trò của văn hóa từ nguồn gốc pháp luật trong việc định hướng hành vi của doanh nghiệp về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Ở phương diện này văn hóa pháp lý tác động như thế nào việc thực thi nghĩa vụ bảo vệ môi trường trong chuỗi sản xuất. Dường như ở lĩnh vực này không có sự khác biệt đáng kể trong hành vi của các doanh nghiệp đối với chiến lược thực thi TXD.

Trong một nghiên cứu khác, để đánh giá mối liên hệ giữa TXD với các hệ thống pháp luật trong sự kiểm soát, ứng phó với các thảm họa thiên nhiên và các scandal, Hao Liang, Luc Rennboog, các học giả đã lựa chọn Scandal về sữa xảy ra tại Trung Quốc vào tháng 11/2008, sự cố tràn dầu Deepwater Horizon vào tháng 3, 4/2010 và sự kiện động đất và sóng thần tại châu Á tháng 12/2004. Với các dữ liệu được phân tích qua các vụ việc điển hình trên mà mức độ ảnh hưởng lên toàn cầu, các tác giả đã thấy không có sự khác biệt về TXD giữa các quốc gia Common Law với Civil Law trong ứng xử với môi trường<sup>23</sup>.

*Thứ ba*, vai trò của văn hóa từ nguồn gốc pháp luật trong điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp về bảo vệ lợi ích của người lao động. Theo đó, vấn đề đặt ra là có hay không sự khác

---

<sup>19</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.6.

<sup>20</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.7.

<sup>21</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.6.

<sup>22</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.6.

<sup>23</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.7.

biệt giữa các doanh nghiệp thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau trong việc ứng xử đối với người lao động và thành viên của gia đình họ trong việc bảo đảm thực thi quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Số liệu bảng trên cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa Hệ thống Thông luật với các hệ thống pháp luật chịu ảnh hưởng từ Hệ thống Dân luật trên lĩnh vực này. Dường như, ở Hệ thống pháp luật Civil Law mối quan hệ này được thực hiện tốt hơn hẳn so với hệ thống Thông luật. Với vai trò của Nhà nước như là một người điều phối quan trọng của các khu vực kinh tế. Tại các quốc gia thuộc hệ thống pháp luật này đều có thiết chế công đoàn mạnh, vì thế trong pháp luật chứa đựng các quy định chặt chẽ hơn về việc sa thải, thỏa ước lao động có phạm vi điều chỉnh rộng, luật bảo vệ người tiêu dùng chặt chẽ.

*Thứ tư*, vai trò của văn hóa pháp lý hình thành từ nguồn gốc pháp luật trong việc bảo vệ lợi ích của các bên liên quan. Ở khía cạnh này cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa nhóm quốc gia thuộc Hệ thống Civil Law với Hệ thống Thông luật. Với tư duy pháp lý chú ý tới mục tiêu chung, sự hiện diện của các quy định nghiêm ngặt của luật để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên liên quan, pháp luật các quốc gia thuộc hệ thống Civil Law đồng thời phản ánh mạnh yêu cầu của xã hội đối với các doanh nghiệp. Điều này cho thấy ở các quốc gia theo tư duy dân luật, việc áp dụng TXD được xác định bởi các quy định của luật<sup>24</sup>. Trong khi đó, trong hệ thống Common Law, với truyền thống chú trọng bảo vệ “quyền tư hữu”, điều này dẫn đến việc thiếu vắng các quy định trực tiếp về TXD trong pháp luật mà chủ yếu thông qua con đường tố tụng.

Trên cơ sở xếp hạng TXD dựa trên 3 tiêu chí: 1) Bảo vệ môi trường; 2) Bảo vệ xã hội; và 3) Trách nhiệm của các thiết chế liên quan (dựa trên pháp quyền và quản trị), cho thấy có mối liên quan chặt chẽ giữa truyền thống pháp luật của quốc gia với TXD. Theo đó, TXD ở các nước thuộc hệ thống pháp luật Scandinave tốt nhất, theo sau là các nước thuộc hệ thống Civil Law và Common Law thấp hơn cả. Tuy nhiên, quan sát kết quả bảng trên cho thấy là sự tương tác giữa doanh nghiệp và cộng đồng lại được thực hiện tốt hơn ở hệ thống pháp luật Common Law.

Mối liên hệ tích cực giữa nguồn gốc Dân luật và TXD có thể được giải thích bởi do truyền thống luật nội dung dẫn đến rủi ro kiện tụng của cổ đông thấp hơn, sự hiện diện của quy tắc đa số trong một công ty, các quy định về quan hệ lao động mạnh hơn và mức độ tham gia cao của Nhà nước vào kinh doanh. Bằng chứng từ các vụ scandal và các thảm họa cũng cho thấy rằng các công ty ở các quốc gia theo truyền thống Dân luật phản ứng nhanh hơn so với các công ty ở các quốc gia Thông luật về việc cải thiện các thực hành TXD của họ khi những cú sốc này xảy ra và rằng phản ứng này không có khả năng bị thúc đẩy bởi sự thay đổi thị phần<sup>25</sup>.

---

<sup>24</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.7.

<sup>25</sup> Hao Liang, Luc Rennboog (2017), p.25.

Ở mức độ vĩ mô, hệ thống pháp luật Common Law ít quan tâm tới TXD hơn so với việc quan tâm tới quyền của nhà đầu tư cũng như sự tự do kinh doanh. Điều này phù hợp với truyền thống Thông luật nhấn mạnh quyền ưu tiên của cổ đông và thị trường tư nhân được định hướng bởi chiến lược kiểm soát xã hội, và có lẽ vì sự nhấn mạnh này, nó cũng ít hướng đến các bên liên quan hơn. Quyền của các bên liên quan thường được bảo vệ bởi các quy tắc và cách tiếp cận mà Nhà nước mong muốn để kiểm soát xã hội.

### **3. Kết luận**

Không thể phủ nhận mối liên hệ giữa nguồn gốc pháp luật với hành vi TXD là mật thiết. Bất chấp xu thế phát triển của nền kinh tế toàn cầu đã làm xóa nhòa ít nhiều ranh giới khác biệt, thể hiện:

*Một là*, toàn cầu hóa làm giảm ảnh hưởng của hiệu ứng quốc gia xuất xứ (tạo ra sự hội tụ cả trong và giữa các khu vực xuất xứ hợp pháp). Điều này dẫn tới thái độ của doanh nghiệp đối với TXD có sự khác nhau.

*Hai là*, trong một số lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như tính bền vững về môi trường, sự xuất hiện của một quy chuẩn xã hội toàn cầu (có thể được thúc đẩy bởi việc tạo ra và áp dụng tự nguyện một số tiêu chuẩn quốc tế) đã làm giảm nhanh chóng sự khác biệt giữa các tập đoàn đến từ các nền văn hóa pháp lý khác nhau. Các tập đoàn đa quốc gia thường chú trọng về TXD bởi sự tác động từ tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế về môi trường và bảo đảm quyền con người. Theo đó, sự tác động từ nguồn gốc của dòng họ pháp luật giảm sự tác động tới hành vi của doanh nghiệp đối với TXD.

*Ba là*, việc tăng cường sử dụng các phương pháp đo điểm chuẩn củng cố các quá trình tạo ra các chuẩn mực xã hội toàn cầu. Và vì thế TXD càng ngày càng có sự thống nhất. Thực tế, TXD có sự tích hợp quản trị môi trường và xã hội vào quy trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng. Điều này một mặt làm xóa nhòa ranh giới trong văn hóa pháp lý từ nguồn gốc pháp luật giữa các doanh nghiệp. Mặt khác, nó lại chính là sự hiện thân của văn hóa pháp lý từ nguồn gốc pháp luật biểu hiện qua chính sách của doanh nghiệp về TXD.

Việt Nam, cùng với việc thiết lập nền kinh tế thị trường, TXD cũng ngày càng được chú trọng. Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh để đảm bảo phát triển kinh tế một cách bền vững. Đối với ngành Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký Quyết định số 2183/QĐ-BTC ngày 20/10/2013 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020. Theo đó, yêu cầu xuyên suốt đến năm 2020, cần đảm bảo cân bằng, hài



hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội với phát triển xã hội. TXD là cách tiếp cận có hệ thống, tích hợp các yếu tố phi tài chính vào quyết định hoạt động kinh doanh dựa trên cơ sở xây dựng hướng đến phát triển bền vững, thay vì làm xói mòn hoặc phá hủy đối với nền kinh tế, xã hội, con người và nguồn tài nguyên.

Với truyền thống tư duy pháp lý của hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa gắn gũi với tư duy pháp lý của hệ thống Civil Law, doanh nghiệp Việt Nam vận hành trên cơ sở nền tảng luật thực định. Chính vì vậy nếu như các tiêu chuẩn pháp luật về TXD chưa đầy đủ và không được luật hóa sẽ dẫn đến việc các doanh nghiệp không phát triển chính sách TXD với quy trình kiểm soát tốt các rủi ro về trách nhiệm với môi trường, xã hội và quản trị công ty thì tác động tiêu cực đến toàn xã hội và môi trường là không nhỏ. Mặt khác, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ lớn (chiếm khoảng 97% tổng số doanh nghiệp).

Cuối cùng, hàm ý từ nghiên cứu hướng tới việc nhận diện văn hóa pháp lý của hệ thống pháp luật nói chung và văn hóa pháp lý của Hệ thống pháp luật trong nước. Từ đó, nhận diện các yếu tố có ảnh hưởng tới việc thúc đẩy nhu cầu đối với các mối quan tâm về xã hội và môi trường. Xây dựng điểm chuẩn và các chuẩn mực xã hội toàn cầu là những yếu tố chính tăng cường sự chú ý của doanh nghiệp trong việc đóng góp vào giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm tăng trưởng bền vững và giải quyết các tác nhân bên ngoài.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anna Peters, Daniela Röß (2010), “*The Role of Governments in Promoting Corporate Responsibility and Private Sector Engagement in Development*”, Bertelsmann Stiftung.
2. Hao Liang, Luc Rennboog (2017), “*On the foundations of corporate social responsibility*”, Journal of Finance. 72, (2), p.853-910. Available at: [https://ink.library.smu.edu .sg/lkcsb\\_research/5014](https://ink.library.smu.edu.sg/lkcsb_research/5014)
3. Hayek, F.A. “*The Constitution of Liberty* (1960)”, Chicago University Press: Chicago, IL, USA.
4. Karin Buhmann (2006), “*Corporate Social Responsibility: What Role for Law? Some Aspects of Law and CSR, Corporate Governance - The International Journal of Business in Society*”, Vol. 6, No. 2, 2006.
5. Leonardo Becchetti, Rocco Ciciretti and Pierluigi Conzo (2020), “*Legal Origins and Corporate Social Responsibility*”, Sustainability 2020, 12, 2717; doi:10.3390/su12072717
6. Michel Capron, “*Francoise Quairel-Lanoizelée*” (2009) (Lê Minh Tiến, Phạm Như Hồ dịch), Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
7. European Commission, “*Directorate-General for Employment and Social Affairs*”, 2001, Promoting a European.
8. European Commission, “*framework for corporate social responsibility*”, Vol. COM (2001) 366. “*Sách Xanh (The Green Paper)*”, [https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/DOC\\_01\\_9](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/DOC_01_9) (accessed on 15 March 2014).